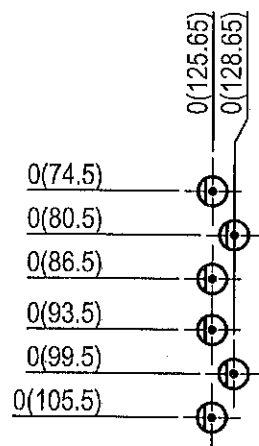
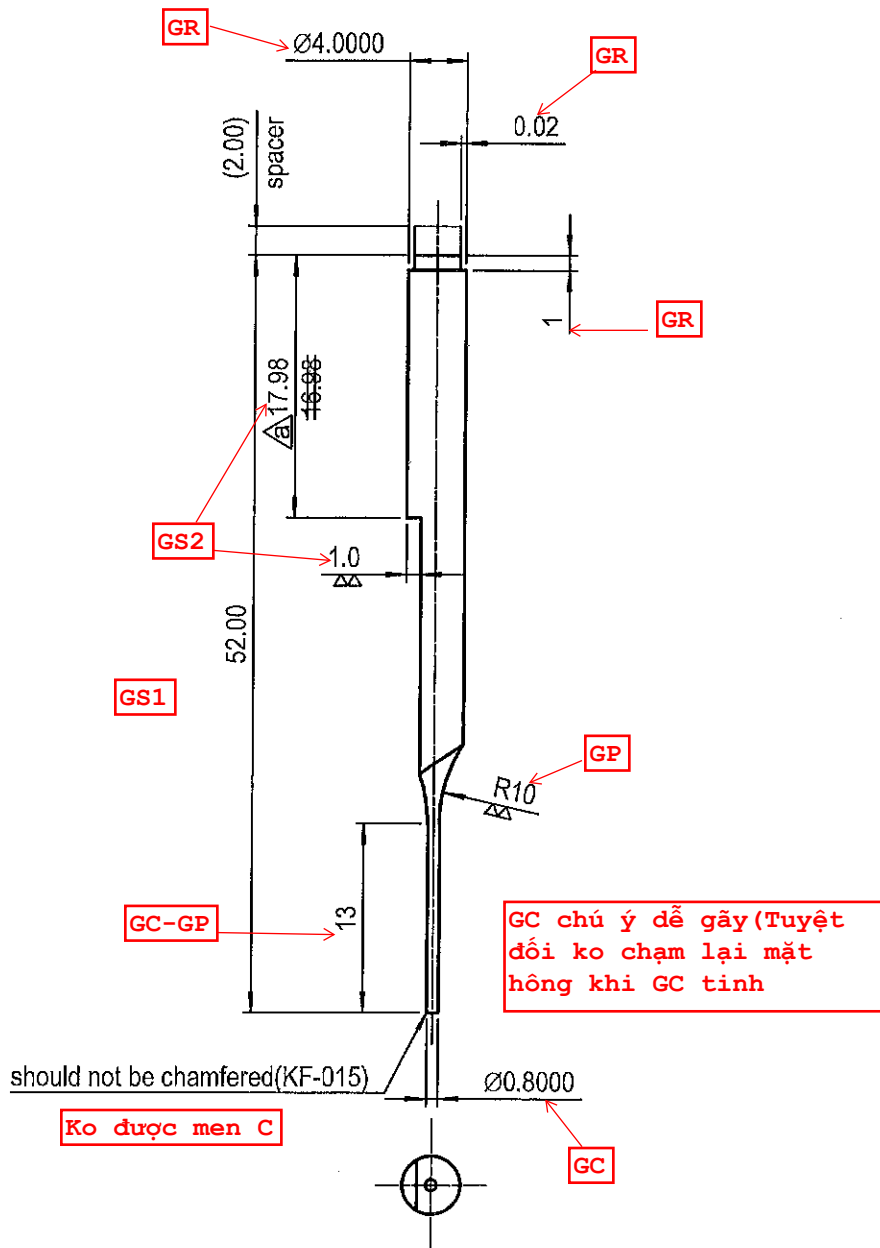


414 301 0123

REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	DSGND.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.	2018/01/26	新規設計		Lin_Wei_Cheng	Lin_Wei_Cheng	Chang_Fu_Rung	0.0000	±0.002	0.000 +0	+0 -0.005
	2022/02/07	訂正(現物識別不要)		Yang_Yuh_Chyn	Lin_Wei_Cheng	Chang_Fu_Rung	0.000	±0.005	0.000 -0	+0.005 -0
							0.00	±0.01	0.00 +0	+0 -0.01
							0.0	±0.1	0.00 -0	+0.01 -0
							0.	±0.2	0.0 +0	+0 -0.1
									0.0 -0	+0.1 -0

TOLERANCES NOT
OTHERWISE SPECIFIED

FINISH MARKS

G


CHKD.	MATERIAL		TITLE	PARTS NAME
Chang_Fu_Rung	WC(D30/HIP)		部品図 PART DRAWING	穴抜きパンチ HOLE BLANKING PUNCH
DSGND.	SURFACE	SCALE	部品図 部品圖	穿孔孔冲头 穿孔孔冲頭
Lin_Wei_Cheng		1:1	DATE	DWG.No.
DWN.	QUENCH&TEMPER	SIZE		
Lin_Wei_Cheng	HRC ~	A4V	2018/01/26	R172184

SNO: **R172184**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: WCD30 Ø5*60	GR:60 GS1:25 GC:45 GP:30 GS2:30 KT